



# CÔNG BÁO

Tỉnh Thái Nguyên

Số 36

Ngày 15 tháng 8 năm 2023

## MỤC LỤC

Trang

### VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

#### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

21-7-2023	Quyết định số 1703/QĐ-UBND về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực khí tượng thủy văn thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thái Nguyên	3
25-7-2023	Quyết định số 1731/QĐ-UBND phê duyệt 04 quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực Quản lý bán hàng đa cấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương Thái Nguyên	10
27-7-2023	Quyết định số 1760/QĐ-UBND về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực thuế thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài chính tỉnh Thái Nguyên	17
28-7-2023	Quyết định số 1784/QĐ-UBND về việc công bố danh mục hồ, ao, đầm không được san lấp trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên	21
02-8-2023	Quyết định số 1820/QĐ-UBND về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực Hoạt động khoa học và công nghệ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Thái Nguyên	40
10-8-2023	Quyết định số 1888/QĐ-UBND về việc bãi bỏ quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực Hoạt động khoa học và công nghệ thuộc phạm	43

vi chức năng quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Thái Nguyên

10-8-2023

Quyết định số 1889/QĐ-UBND về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực du lịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Thái Nguyên

46

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1703/QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày 21 tháng 7 năm 2023

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực khí tượng thủy văn thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thái Nguyên**

### **CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ về việc hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Quyết định số 1239/QĐ-BTNMT ngày 12/5/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực khí tượng thủy văn thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 412/TTr-STNMT ngày 18/7/2023.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực khí tượng thủy văn thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thái Nguyên (*Phụ lục I kèm theo*).

Bãi bỏ 03 thủ tục hành chính cấp tỉnh trong lĩnh vực khí tượng thủy văn (*thủ tục hành chính số 1,2,3, số thứ tự II, mục A*) được công bố tại Quyết định số 3209/QĐ-UBND ngày 14/10/2021 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2021 trong các lĩnh vực: tài nguyên nước, khí tượng thủy văn, địa chất khoáng sản, đo đạc bản đồ và môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thái Nguyên (*Phụ lục II kèm theo*).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Quang Tiến**

**PHỤ LỤC I**  
**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN THUỘC PHẠM VI**  
**CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo quyết định số 1703/QĐ-UBND ngày 21 tháng 7 năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Thái Nguyên)*

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết
1	Cấp giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn	Tổng số ngày giải quyết: 17 ngày làm việc. - Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Hai (02) ngày làm việc. - Thời hạn tiến hành thẩm định, thẩm tra, khảo sát, đánh giá, kết luận Cấp phép: Mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.	<b>Nơi tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính:</b> - Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên. Địa chỉ: Số 17, đường Đội Cấn, phường Trưng Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.	- Phí, lệ phí: Không quy định	1. Luật Khí tượng thủy văn 2015. 2. Nghị định số 38/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khí tượng thủy văn. 3. Nghị định số 48/2020/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 38/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khí tượng thủy văn.	Một cửa liên thông

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết
					4. Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường.	
2	Sửa đổi, bổ sung, gia hạn giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn	Tổng số ngày giải quyết: 17 ngày làm việc. - Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Hai (02) ngày làm việc. - Thời hạn tiến hành thẩm định, thẩm tra, khảo sát, đánh giá, kết luận cấp phép: Mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.	- <b>Nơi tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính:</b> Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên. Địa chỉ: Số 17, đường Đội Cấn, phường Trưng Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.	- Phí, lệ phí: Không quy định	1. Luật Khí tượng thủy văn 2015. 2. Nghị định số 38/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khí tượng thủy văn. 3. Nghị định số 48/2020/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 38/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của	Một cửa liên thông

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết
					<p>Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khí tượng thủy văn.</p> <p>4. Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường.</p>	
3	Cấp lại giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn	Thời hạn tiến hành thẩm định, thẩm tra, khảo sát, đánh giá, kết luận cấp phép: Năm (05) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.	<p><b>- Nơi tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính:</b></p> <p>Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên.</p> <p>Địa chỉ: Số 17, đường Đội Cấn, phường Trưng Vương, thành phố Thái</p>	- Phí, lệ phí: Không quy định	<p>1. Luật Khí tượng thủy văn 2015.</p> <p>2. Nghị định số 38/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khí tượng thủy văn.</p> <p>3. Nghị định số 48/2020/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ</p>	Một cửa liên thông

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết
			Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.		sung một số điều của Nghị định số 38/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khí tượng thủy văn. 4. Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường.	

**PHỤ LỤC II**  
**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ TRONG LĨNH VỰC KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN THUỘC**  
**PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH THÁI NGUYÊN**

*(Kèm theo quyết định số 1703/QĐ-UBND ngày 21 tháng 7 năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Thái Nguyên)*

<b>STT</b>	<b>Tên thủ tục hành chính</b>	<b>Tên VBQLPL quy định việc sửa đổi, bổ sung/bị bãi bỏ</b>
1	Cấp giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn	Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường.
2	Gia hạn, sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn	Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường.
3	Cấp lại giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn	Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường.

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1731/QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày 25 tháng 7 năm 2023

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt 04 quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính  
trong lĩnh vực Quản lý bán hàng đa cấp thuộc thẩm quyền  
giải quyết của Sở Công Thương Thái Nguyên**

### **CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Quyết định số 1405/QĐ-UBND ngày 22/6/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Thái Nguyên về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Quản lý bán hàng đa cấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương tỉnh Thái Nguyên;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 1893/TTr-SCT ngày 22/6/2023.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt kèm theo Quyết định này 04 quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực Quản lý bán hàng đa cấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương tỉnh Thái Nguyên (*Phụ lục chi tiết kèm theo*).

Bãi bỏ 04 quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực Quản lý cạnh tranh (*thủ tục hành chính số 23-26, số thứ tự V, mục A, phần I và*

*thủ tục hành chính số 2-5, số thứ tự V, mục A, phần II)* được ban hành kèm theo Quyết định số 1307/QĐ-UBND ngày 16/6/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt 118 quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương, 13 quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

**Điều 2.** Giao Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với Sở Công Thương và các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định này xây dựng quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính tại phần mềm của Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh theo quy định.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Công Thương, Thông tin và Truyền thông và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Quang Tiến**

**Phụ lục:**  
**QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**  
**LĨNH VỰC ĐIỆN THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT**  
**CỦA SỞ CÔNG THƯƠNG TỈNH THÁI NGUYÊN**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1731/QĐ-UBND  
ngày 25 tháng 7 năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Thái Nguyên)*

**Phần I**  
**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

STT	Tên thủ tục hành chính
1	Đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương
2	Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương
3	Chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương
4	Thông báo tổ chức hội nghị, hội thảo, đào tạo về bán hàng đa cấp

**Phần II**  
**NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT**  
**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC QUẢN LÝ BÁN HÀNG ĐA CẤP**

**1. Đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương**

<b>Thứ tự công việc</b>	<b>Nội dung công việc</b>	<b>Trách nhiệm xử lý công việc</b>	<b>Thời gian giải quyết</b>
<b>Bước 1</b>	Tiếp nhận hồ sơ, quét (scan), số hóa và lưu trữ hồ sơ điện tử, chuyển bộ phận chuyên môn xử lý hồ sơ (trên phần mềm một cửa điện tử)	Công chức của Sở Công Thương làm việc tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên	0,5 ngày làm việc
<b>Bước 2</b>	Duyệt hồ sơ, phân công công chức xử lý hồ sơ	Lãnh đạo phòng chuyên môn	0,5 ngày làm việc
<b>Bước 3</b>	Xem xét, thẩm định, xử lý hồ sơ. Dự thảo kết quả giải quyết TTHC, trình lãnh đạo phòng	Công chức phòng chuyên môn	6 ngày làm việc
<b>Bước 4</b>	Xem xét, trình lãnh đạo cơ quan phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo phòng chuyên môn	1 ngày làm việc
<b>Bước 5</b>	Phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở Công Thương	1 ngày làm việc
<b>Bước 6</b>	Số hóa kết quả giải quyết TTHC, các văn bản giấy tờ liên quan trong giải quyết TTHC. Chuyển kết quả giải quyết TTHC (cả bản giấy và bản điện tử) cho Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên	Công chức phòng chuyên môn	0,5 ngày làm việc
<b>Bước 7</b>	Trả kết quả giải quyết TTHC cho cá nhân, tổ chức và thu phí, lệ phí (nếu có)	Công chức của Sở Công Thương làm việc tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên	0,5 ngày làm việc
<b>Tổng thời gian giải quyết TTHC</b>			<b>10 ngày làm việc</b>

## 2. Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian giải quyết
<b>Bước 1</b>	Tiếp nhận hồ sơ, quét (scan), số hóa và lưu trữ hồ sơ điện tử, chuyển bộ phận chuyên môn xử lý hồ sơ (trên phần mềm một cửa điện tử)	Công chức của Sở Công Thương làm việc tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên	0,5 ngày làm việc
<b>Bước 2</b>	Duyệt hồ sơ, phân công công chức xử lý hồ sơ	Lãnh đạo phòng chuyên môn	0,5 ngày làm việc
<b>Bước 3</b>	Xem xét, thẩm định, xử lý hồ sơ. Dự thảo kết quả giải quyết TTHC, trình lãnh đạo phòng	Công chức phòng chuyên môn	4 ngày làm việc
<b>Bước 4</b>	Xem xét, trình Lãnh đạo cơ quan phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo phòng chuyên môn	0,5 ngày làm việc
<b>Bước 5</b>	Phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở Công Thương	0,5 ngày làm việc
<b>Bước 6</b>	Số hóa kết quả giải quyết TTHC, các văn bản giấy tờ liên quan trong giải quyết TTHC. Chuyển kết quả giải quyết TTHC cho Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Công chức phòng chuyên môn	0,5 ngày làm việc
<b>Bước 7</b>	Trả kết quả giải quyết TTHC cho cá nhân, tổ chức và thu phí, lệ phí (nếu có)	Công chức của Sở Công Thương làm việc tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên	0,5 ngày làm việc
<b>Tổng thời gian giải quyết TTHC</b>			<b>07 ngày làm việc</b>

## 3. Thông báo chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian giải quyết
<b>Bước 1</b>	Tiếp nhận hồ sơ, quét (scan), số hóa và lưu trữ hồ sơ điện tử, chuyển bộ phận chuyên môn xử lý hồ sơ (trên phần	Công chức của Sở Công Thương làm việc tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành	0,5 ngày làm việc

<b>Thứ tự công việc</b>	<b>Nội dung công việc</b>	<b>Trách nhiệm xử lý công việc</b>	<b>Thời gian giải quyết</b>
	mềm một cửa điện tử)	chính công tỉnh Thái Nguyên	
<b>Bước 2</b>	Duyệt hồ sơ, phân công công chức xử lý hồ sơ	Lãnh đạo phòng chuyên môn	0,5 ngày làm việc
<b>Bước 3</b>	Xem xét, thẩm định, xử lý hồ sơ. Dự thảo kết quả giải quyết TTHC, trình lãnh đạo phòng	Công chức phòng chuyên môn	6 ngày làm việc
<b>Bước 4</b>	Xem xét, trình lãnh đạo cơ quan phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo phòng chuyên môn	1 ngày làm việc
<b>Bước 5</b>	Phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở Công Thương	1 ngày làm việc
<b>Bước 6</b>	Số hóa kết quả giải quyết TTHC, các văn bản giấy tờ liên quan trong giải quyết TTHC. Chuyển kết quả giải quyết TTHC (cả bản giấy và bản điện tử) cho Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên	Công chức phòng chuyên môn	0,5 ngày làm việc
<b>Bước 7</b>	Trả kết quả giải quyết TTHC cho cá nhân, tổ chức và thu phí, lệ phí (nếu có)	Công chức của Sở Công Thương làm việc tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên	0,5 ngày làm việc
<b>Tổng thời gian giải quyết TTHC</b>			<b>10 ngày làm việc</b>

#### 4. Thông báo tổ chức hội nghị, hội thảo, đào tạo về bán hàng đa cấp

<b>Thứ tự công việc</b>	<b>Nội dung công việc</b>	<b>Trách nhiệm xử lý công việc</b>	<b>Thời gian giải quyết</b>
<b>Bước 1</b>	Tiếp nhận hồ sơ, quét (scan), số hóa và lưu trữ hồ sơ điện tử, chuyển bộ phận chuyên môn xử lý hồ sơ (trên phần mềm một cửa điện tử)	Công chức của Sở Công Thương làm việc tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên	0,5 ngày làm việc
<b>Bước 2</b>	Duyệt hồ sơ, phân công công chức xử lý hồ sơ	Lãnh đạo phòng chuyên môn	0,5 ngày làm việc

<b>Thứ tự công việc</b>	<b>Nội dung công việc</b>	<b>Trách nhiệm xử lý công việc</b>	<b>Thời gian giải quyết</b>
<b>Bước 3</b>	Xem xét, thẩm định, xử lý hồ sơ. Dự thảo kết quả giải quyết TTHC, trình lãnh đạo phòng	Công chức phòng chuyên môn	4 ngày làm việc
<b>Bước 4</b>	Xem xét, trình Lãnh đạo cơ quan phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo phòng chuyên môn	0,5 ngày làm việc
<b>Bước 5</b>	Phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở Công Thương	0,5 ngày làm việc
<b>Bước 6</b>	Số hóa kết quả giải quyết TTHC, các văn bản giấy tờ liên quan trong giải quyết TTHC. Chuyển kết quả giải quyết TTHC cho Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Công chức phòng chuyên môn	0,5 ngày làm việc
<b>Bước 7</b>	Trả kết quả giải quyết TTHC cho cá nhân, tổ chức và thu phí, lệ phí (nếu có)	Công chức của Sở Công Thương làm việc tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên	0,5 ngày làm việc
<b>Tổng thời gian giải quyết TTHC</b>			<b>07 ngày làm việc</b>

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1760/QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày 27 tháng 7 năm 2023

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực thuế  
thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài chính tỉnh Thái Nguyên**

### **CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ về việc hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Quyết định số 1338/QĐ-BTC ngày 23/6/2023 của Bộ Tài chính về việc công bố thủ tục hành chính được thay thế thuộc lĩnh vực hải quan thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tỉnh Thái Nguyên tại Tờ trình số 2695/TTr-STC ngày 17/7/2023.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực thuế thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài chính tỉnh Thái Nguyên (*Phụ lục I kèm theo*).

Bãi bỏ 01 thủ tục hành chính lĩnh vực thuế (*Số thứ tự 2, Chính sách thuế, mục III*) được công bố tại Phụ lục kèm theo Quyết định số 3007/QĐ-UBND ngày 23/9/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Thái Nguyên về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2021 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài chính tỉnh Thái Nguyên (*Phụ lục II kèm theo*).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Xây dựng; Giám đốc Sở Tài chính; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Quang Tiến**

**PHỤ LỤC I**  
**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC THUẾ**  
**THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ TÀI CHÍNH TỈNH THÁI NGUYÊN**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1760/QĐ-UBND  
ngày 27 tháng 7 năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Thái Nguyên)*

<b>STT</b>	<b>Tên thủ tục hành chính</b>	<b>Thời hạn giải quyết</b>	<b>Địa điểm thực hiện</b>	<b>Phí, lệ phí (nếu có)</b>	<b>Căn cứ pháp lý</b>	<b>Cơ chế giải quyết TTHC</b>
1	Thủ tục xác nhận vật tư, thiết bị là hàng hoá nhập khẩu phục vụ dự án chế tạo thiết bị sản xuất vật liệu xây không nung nhẹ và sản xuất gạch xi măng - cốt liệu công suất từ 10 triệu viên quy tiêu chuẩn/năm trở lên thuộc Nhóm 98.22	10 ngày	<b>- Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC:</b> <i>Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Xây dựng tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên;</i> <b>Địa chỉ:</b> Số 17 đường Đội Cấn, phường Trưng Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.	Không quy định	1. Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu năm 2016. 2. Nghị định số 26/2023/NĐ-CP ngày 31/05/2023 về Biểu thuế xuất khẩu, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi, Danh mục hàng hóa và mức thuế tuyệt đối, thuế hỗn hợp và thuế nhập khẩu ngoài hạn ngạch thuế quan.	Một cửa

**PHỤ LỤC II**  
**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ THUỘC**  
**PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ TÀI CHÍNH TỈNH THÁI NGUYÊN**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1760/QĐ-UBND  
ngày 27 tháng 7 năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Thái Nguyên)*

<b>STT</b>	<b>Tên thủ tục hành chính</b>	<b>Tên VBQPPL quy định việc sửa đổi, bổ sung/bị bãi bỏ</b>
1	Thủ tục xác nhận vật tư, thiết bị nhập khẩu phục vụ dự án chế tạo thiết bị sản xuất vật liệu không nung nhẹ và sản xuất gạch xi măng cốt liệu công suất từ 7 triệu viên quy tiêu chuẩn/năm tại Nghị định số 122/2016/NĐ-CP	Nghị định số 26/2023/NĐ-CP ngày 31/05/2023 về Biểu thuế xuất khẩu, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi, Danh mục hàng hóa và mức thuế tuyệt đối, thuế hỗn hợp và thuế nhập khẩu ngoài hạn ngạch thuế quan.

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Số: 1784/QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày 28 tháng 7 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố danh mục hồ, ao, đầm không được san lấp  
trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;  
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và  
Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;*

*Căn cứ Luật Tài nguyên nước năm 2012;*

*Căn cứ Quyết định số 2687/QĐ-UBND ngày 31/8/2020 của UBND tỉnh  
về phân giao nhiệm vụ quản lý, khai thác công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh  
Thái Nguyên;*

*Căn cứ Quyết định số 1232/QĐ-UBND ngày 26/4/2021 của UBND tỉnh về  
việc điều chỉnh một số nội dung Quyết định số 2687/QĐ-UBND ngày 31/8/2020;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số  
381/TTr-STNMT ngày 10/7/2023 về việc đề nghị công bố danh mục ao, hồ, đầm  
không được san lấp trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố danh mục 387 hồ, ao, đầm không được san lấp để phòng, chống ngập, úng và bảo vệ nguồn nước trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, trong đó 98 hồ cấp tỉnh quản lý và 289 hồ, ao, đầm thuộc quản lý cấp huyện.

*(Có Phụ lục chi tiết kèm theo)*

**Điều 2.** Trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện:

1. Sở Tài nguyên và Môi trường

- Đôn đốc các đơn vị trên địa bàn tỉnh thực hiện quản lý hồ, ao, đầm không được san lấp theo quy định.

- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quyết định này theo quy định của pháp luật, tham mưu xử lý vi phạm nếu có.

- Tổng hợp, định kỳ báo cáo công tác quản lý hồ, ao, đầm không được san lấp gửi UBND tỉnh, Bộ Tài nguyên và Môi trường theo quy định.

- Tham mưu, trình UBND tỉnh điều chỉnh Danh mục hồ, ao, đầm không được san lấp cho phù hợp với quy định phòng, chống ngập, úng, bảo vệ nguồn nước và mục tiêu quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội theo từng giai đoạn.

## 2. Các sở, ban, ngành, đơn vị liên quan

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường rà soát, thống kê, cập nhật, đề xuất điều chỉnh, bổ sung Danh mục hồ, ao, đầm không được san lấp trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

- Thực hiện công tác quản lý theo quy định của pháp luật, đảm bảo chặt chẽ không để xảy ra tình trạng san lấp hồ, ao, đầm trái phép.

- Thẩm định, tham gia ý kiến thống nhất về các đồ án quy hoạch và các đề xuất dự án phải tuân thủ theo Quyết định này, pháp luật bảo vệ môi trường và pháp luật khác có liên quan; không điều chỉnh hồ, ao, đầm thành chức năng khác trong đồ án quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

## 3. UBND các huyện, thành phố:

Xác định vị trí, ranh giới các hồ, ao, đầm xây dựng phương án và tổ chức bảo vệ, quản lý theo quy định của pháp luật đối với công trình được giao quản lý.

- Tuyên truyền, nâng cao nhận thức của người dân, cộng đồng dân cư trong việc bảo vệ hồ, ao, đầm không được san lấp tại địa phương.

- Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, các ngành chức năng liên quan thanh tra, kiểm tra, tham mưu xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm theo quy định của pháp luật.

- Định kỳ báo cáo UBND tỉnh (thông qua Sở Tài nguyên và Môi trường) tình hình quản lý, khai thác, sử dụng hồ, ao, đầm không được san lấp.

- Rà soát, tổng hợp, đề xuất UBND tỉnh điều chỉnh Danh mục hồ, ao, đầm không được san lấp cho phù hợp với mục tiêu phòng, chống ngập, úng, bảo vệ nguồn nước và quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

## 4. Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân quản lý, vận hành, khai thác hồ, ao, đầm

- Sử dụng hồ, ao, đầm đúng mục đích và tuân thủ các quy định về quản lý, bảo vệ hồ, ao, đầm không được san lấp.

- Xây dựng phương án và tổ chức bảo vệ, quản lý các ao, hồ, đầm theo quy định của pháp luật.

- Kiểm soát chặt chẽ các hành vi lấn chiếm hồ, ao, đầm trái phép và xả nước thải chưa qua xử lý vào hồ, ao, đầm trong danh mục không được san lấp, báo cáo cơ quan có thẩm quyền xử lý sai phạm theo quy định của pháp luật.

- Xác định vị trí, ranh giới các hồ, ao, đầm xây dựng phương án và tổ chức bảo vệ, quản lý theo quy định của pháp luật đối với công trình được giao quản lý.

- Thường xuyên kiểm tra, rà soát các hồ, ao, đầm không được san lấp, sớm phát hiện ra những hư hỏng gây mất an toàn công trình, diện tích bị lấn chiếm (nếu có) để có biện pháp xử lý kịp thời nhằm đảm bảo an toàn công trình.

- Không được thải chất thải chưa được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; các chất độc, chất phóng xạ và chất nguy hại khác, vi sinh vật chưa

được kiểm định và tác nhân độc hại khác đối với con người và sinh vật vào hồ, ao, đầm. Khi phát hiện tổ chức, cá nhân xả chất thải chưa qua xử lý vào hồ, ao, đầm thì tổ chức, cá nhân quản lý vận hành phải kịp thời kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.

**5. Trách nhiệm của cộng đồng dân cư**

- Nâng cao ý thức trách nhiệm bảo vệ hồ, ao, đầm, không vi phạm hành lang bảo vệ công trình gây mất an toàn công trình.

- Không xả chất thải chưa qua xử lý vào hồ, ao, đầm gây ô nhiễm nguồn nước.

- Không san lấp hồ, ao, đầm sử dụng vào mục đích khác.

- Tố giác các hành vi vi phạm các quy định về quản lý, khai thác, sử dụng hồ, ao, đầm không được san lấp.

- Trường hợp vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương, Xây dựng; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Quang Tiến**

**PHỤ LỤC 1**  
**DANH MỤC HỒ KHÔNG ĐƯỢC SAN LẤP**  
**CẤP TỈNH QUẢN LÝ, KHAI THÁC**  
*(Kèm theo Quyết định số 1784 /QĐ-UBND ngày 27/7/2023*  
*của UBND tỉnh Thái Nguyên)*

<b>TT</b>	<b>Tên hồ chứa</b>	<b>Vị trí</b>
<b>I</b>	<b>Thành phố Thái Nguyên</b>	<b>04</b>
1	Hồ Núi Cốc	Phúc Trìu - Thái Nguyên
2	Hồ Cây Si	Phúc Trìu - Thái Nguyên
3	Hồ 19/5	Sơn Cẩm - Thái Nguyên
4	Hồ Bí Hồ	Linh Sơn - Thái Nguyên
<b>II</b>	<b>Thành phố Sông Công</b>	<b>01</b>
1	Hồ Ghènh Chè	Bình Sơn - Sông Công
<b>III</b>	<b>Thành phố Phổ Yên</b>	<b>04</b>
1	Hồ Nước Hai	Phúc Thuận - Phổ Yên
2	Suối Lạnh	Thành Công - Phổ Yên
3	Hồ Núi Trẽ	Minh Đức - Phổ Yên
4	Bến Đông	Phúc Thuận - Phổ Yên
<b>IV</b>	<b>Huyện Định Hóa</b>	<b>13</b>
1	Hồ Bảo Linh	Bảo Linh - Định Hóa
2	Hồ Làng Gày	Phúc Chu - Định Hóa
3	Hồ Bản Piêng	Thanh Định - Định Hóa
4	Hồ Nà Tắc	Lam Vĩ - Định Hóa
5	Hồ Bó Vàng	Thanh Định - Định Hóa
6	Hồ Suối My	Kim Phượng - Định Hóa
7	Hồ Đèo Bụt	Phượng Tiến - Định Hóa
8	Hồ Thảm Ngược	Tân Dương - Định Hóa
9	Hồ Pác Xoong	Phú Tiến - Định Hóa
10	Hồ Thâm Phầy	Trung Hội - Định Hóa
11	Hồ Lê Lợi	Trung Lương - Định Hóa
12	Hồ Thâm Phá	Kim Phượng - Định Hóa
13	Hồ Đèo Phượng	Linh Thông - Định Hóa
<b>V</b>	<b>Huyện Đại Từ</b>	<b>29</b>
1	Hồ Phú Xuyên	Phú Xuyên - Đại Từ
2	Hồ Đoàn Ủy	Khôi Kỳ - Đại Từ
3	Hồ Phượng Hoàng	Cù Vân - Đại Từ

<b>TT</b>	<b>Tên hồ chứa</b>	<b>Vị trí</b>
4	Hồ Đá Giàn	Cù Vân - Đại Từ
5	Hồ Bãi Chè	Cù Vân - Đại Từ
6	Hồ Gò Miếu	Ký Phú - Đại Từ
7	Hồ Đồng Tâm	Phúc Lương - Đại Từ
8	Hồ Quận Công	Phúc Lương - Đại Từ
9	Hồ Suối Diểu	Khôi Kỳ - Đại Từ
10	Hồ Cây Vĩ	Tân Thái - Đại Từ
11	Hồ Đầm Chiểu	Phú Thịnh - Đại Từ
12	Hồ Núi Tán (tạo nguồn)	Bình Thuận - Đại Từ
13	Hồ Cầu Trà	Yên Lãng - Đại Từ
14	Hồ Khuôn Nanh	Yên Lãng - Đại Từ
15	Hồ Đồng Tiến	Yên Lãng - Đại Từ
16	Hồ Đồng Trăng	Yên Lãng - Đại Từ
17	Hồ Thành Lập	Lục Ba - Đại Từ
18	Hồ Cây Nhừ	Phú Lạc - Đại Từ
19	Hồ Cống Đát	Phú Lạc - Đại Từ
20	Hồ Nước Đục	Phú Lạc - Đại Từ
21	Hồ Trại Mới	Phú Lạc - Đại Từ
22	Hồ Kim Tào	Phú Thịnh - Đại Từ
23	Hồ Cây Sấu	Phú Thịnh - Đại Từ
24	Hồ Ao Sen	Phú Cường - Đại Từ
25	Hồ Đầm Làng	Đức Lương - Đại Từ
26	Hồ Vai Cái	Văn Yên - Đại Từ
27	Hồ Ao Mật	Hoàng Nông - Đại Từ
28	Hồ Lưu Quang	Minh Tiến - Đại Từ
29	Hồ Đèo My	Minh Tiến - Đại Từ
<b>VI</b>	<b>Huyện Đồng Hỷ</b>	<b>10</b>
1	Hồ Vân Hán	Văn Hán - Đồng Hỷ
2	Hồ Cặp Kè	Hợp Tiến - Đồng Hỷ
3	Hồ Kim Cương	Cây Thị - Đồng Hỷ
4	Hồ Cây Thị	Cây Thị - Đồng Hỷ
5	Hồ Hố Chuối	Hợp Tiến - Đồng Hỷ
6	Hồ Đồng Cầu	Hòa Bình - Đồng Hỷ
7	Hồ Đá Bạc	Tân Lợi - Đồng Hỷ

<b>TT</b>	<b>Tên hồ chứa</b>	<b>Vị trí</b>
8	Hồ Trại Đèo	Tân Lợi - Đồng Hỷ
9	Hồ Xóm 8	TT Sông Cầu - Đồng Hỷ
10	Hồ Na Long	Hóa Thượng - Đồng Hỷ
<b>VII</b>	<b>Huyện Phú Lương</b>	<b>18</b>
1	Hồ Nà Mạt	Ôn Lương - Phú Lương
2	Hồ Đồng Xiền	Yên Lạc - Phú Lương
3	Hồ Khuôn Lân	Hợp Thành - Phú Lương
4	Hồ Tuông Lạc	Ôn Lương - Phú Lương
5	Hồ Đầm Mèng	Ôn Lương - Phú Lương
6	Hồ Thâm Quang	Hợp Thành - Phú Lương
7	Hồ Na Hiên	Yên Trạch - Phú Lương
8	Hồ Nặm Dát	Yên Trạch - Phú Lương
9	Hồ Suối Mạ	Yên Trạch - Phú Lương
10	Hồ Ao Dẻ	Động Đạt - Phú Lương
11	Hồ Suối Luông	Động Đạt - Phú Lương
12	Hồ Khe Cuồng	Yên Ninh - Phú Lương
13	Hồ Lũng Nén	Yên Đổ - Phú Lương
14	Hồ Khe Ván	Phủ Lý - Phú Lương
15	Hồ 7 Mẫu	Phấn Mễ - Phú Lương
16	Hồ Núi Mùn	Cổ Lũng - Phú Lương
17	Hồ Làng Hin	Phấn Mễ - Phú Lương
18	Hồ Chín Tầng	Động Đạt - Phú Lương
<b>VIII</b>	<b>Huyện Phú Bình</b>	<b>15</b>
1	Hồ Trại Gạo	Tân Hòa - Phú Bình
2	Hồ Cóc	Tân Khánh - Phú Bình
3	Kim Đĩnh	Tân Kim - Phú Bình
4	Hồ Đồng Quan	Bàn Đạt - Phú Bình
5	Hồ Ngô Xá	Bàn Đạt - Phú Bình
6	Hồ Cầu Tiểu	Tân Khánh - Phú Bình
7	Hồ Đèo Khê	Tân Kim - Phú Bình
8	Hồ La Dao	Tân Kim - Phú Bình
9	Hồ Bạch Thạch	Tân Kim - Phú Bình
10	Hồ Bờ La	Tân Kim - Phú Bình
11	Hồ Quẩn	Tân Đức - Phú Bình

<b>TT</b>	<b>Tên hồ chứa</b>	<b>Vị trí</b>
12	Hồ Đồng Đình	Bảo Lý - Phú Bình
13	Hồ Ao Hang	Bảo Lý - Phú Bình
14	Hồ Chám	Đào Xá - Phú Bình
15	Hồ Làng U	Tân Hoà - Phú Bình
<b>IX</b>	<b>Huyện Võ Nhai</b>	<b>04</b>
1	Hồ Quán Chẽ	Dân Tiến - Võ Nhai
2	Hồ Lòng Thuyền	La Hiên - Võ Nhai
3	Hồ Cây Hồng	Lâu Thượng - Võ Nhai
4	Nà Kháo	Phú Thượng - Võ Nhai
<b>Tổng</b>		<b>98</b>

**PHỤ LỤC 2**  
**DANH MỤC AO, HỒ, ĐÀM KHÔNG ĐƯỢC SAN LẤP**  
**CẤP HUYỆN QUẢN LÝ, KHAI THÁC**  
*(Kèm theo Quyết định số 1784/QĐ-UBND ngày 27/7/2023*  
*của UBND tỉnh Thái Nguyên)*

<b>TT</b>	<b>Tên công trình</b>	<b>Vị trí</b>
<b>I</b>	<b>Thành phố Thái Nguyên</b>	<b>24</b>
1	Hồ Ao Lợi	Huống Thượng - TP TN
2	Hồ số 7	Sơn Cẩm - TP TN
3	Hồ Thác Cỏ	Sơn Cẩm - TP TN
4	Hồ Quang Trung	Sơn Cẩm - TP TN
5	Hồ chứa Thác Lông	Phúc Hà - TP TN
6	Hồ Đầu Phần	Thịnh Đức - TP TN
7	Hồ Bẩy Mẫu	Gia Sàng - TP TN
8	Hồ Gia Sàng	Gia Sàng - TP TN
9	Hồ Mui Thuyền	Phúc Hà - TP TN
10	Hồ Góc Vối	Phúc Hà - TP TN
11	Hồ Khu Ao Làng	Phúc Hà - TP TN
12	Hồ xóm giữa	Phúc Hà - TP TN
13	Hồ Đồng Lốc	Phúc Hà - TP TN
14	Hồ Đồng Bộ	Phúc Hà - TP TN
15	Hồ Đồng Vàn	Phúc Hà - TP TN
16	Hồ Đồng Mới	Phúc Hà - TP TN
17	Hồ chứa nước tổ 18	Tân Long - TP TN
18	Hồ Thanh Phong	Phúc Trìu - TP TN
19	Hồ Khuôn II	Phúc Trìu - TP TN
20	Hồ Cây De	Phúc Trìu - TP TN
21	Hồ Thủy Bà	Phúc Trìu - TP TN
22	Hồ Soi Mít	Phúc Trìu - TP TN

<b>TT</b>	<b>Tên công trình</b>	<b>Vị trí</b>
23	Hồ Đồi Chè	Phúc Trìu - TP TN
24	Hồ Mong Than	Quan Triều - TP TN
<b>II</b>	<b>Thành phố Sông Công</b>	<b>08</b>
1	Hồ Núc Nác	Châu Sơn - TP Sông Công
2	Hồ Cỏ rần	Châu Sơn - TP Sông Công
3	Hồ Làng Hống	Lương Sơn - TP Sông Công
4	Hồ Ông Quán	Lương Sơn - TP Sông Công
5	Hồ Non Đanh	Lương Sơn - TP Sông Công
6	Hồ Nhà Làng	Lương Sơn - TP Sông Công
7	Ao Cừ	Lương Sơn - TP Sông Công
8	Ao cá Bác Hồ	Mỏ chè - TP Sông Công
<b>III</b>	<b>Thành phố Phổ Yên</b>	<b>16</b>
1	Hồ Trũng Cài	Vạn Phái - Phổ Yên
2	Hồ Cơ Phi	Vạn Phái - Phổ Yên
3	Hồ Trầm Bầm	Thành Công - Phổ Yên
4	Hồ Xuân Dương	Thành Công - Phổ Yên
5	Hồ Vạn Phú	Thành Công - Phổ Yên
6	Hồ Trũng Nhót	Thành Công - Phổ Yên
7	Hồ Cô Vinh	Minh Đức - Phổ Yên
8	Hồ Ao Cậu	Minh Đức - Phổ Yên
9	Hồ Đồng Sau	Minh Đức - Phổ Yên
10	Hồ Quyết Thắng	Phúc Thuận - Phổ Yên
11	Hồ Long Vỹ	Thành Công - Phổ Yên
12	Hồ Bờ Lâm	Thành Công - Phổ Yên
13	Hồ Tom	Thành Công - Phổ Yên
14	Hồ An Miên	Thành Công - Phổ Yên
15	Hồ Bìa	Thành Công - Phổ Yên

<b>TT</b>	<b>Tên công trình</b>	<b>Vị trí</b>
16	Hồ Chăm Cỏ	Minh Đức - Phổ Yên
<b>IV</b>	<b>Huyện Võ Nhai</b>	<b>05</b>
1	Hồ Non Giang	Lâu Thượng - Võ Nhai
2	Hồ Nà Gieng	Cúc Đường - Võ Nhai
3	Ao Sen	Lâu Thượng - Võ Nhai
4	Hồ sinh thái	TT Đình Cả - Võ Nhai
5	Ao xóm	Phú Thượng - Võ Nhai
<b>V</b>	<b>Huyện Phú Bình</b>	<b>41</b>
1	Hồ La Tú	Tân Khánh - Phú Bình
2	Hồ Bờ Hồ	Tân Khánh - Phú Bình
3	Hồ Đồng Đậu	Tân Khánh - Phú Bình
4	Hồ Đồng Vành	Tân Khánh - Phú Bình
5	Hồ Đồng Đài	Tân Khánh - Phú Bình
6	Hồ Cửa Làng	Tân Khánh - Phú Bình
7	Hồ Liêm Vạn	Tân Khánh - Phú Bình
8	Hồ Đồng Xe	Tân Khánh - Phú Bình
9	Hồ Nông Trường	Tân Khánh - Phú Bình
10	Hồ Đồng Hòa	Tân Khánh - Phú Bình
11	Hồ Làng Cả	Tân Khánh - Phú Bình
12	Hồ Trung Tâm	Tân Khánh - Phú Bình
13	Hồ Dân Quân	Tân Khánh - Phú Bình
14	Hồ Cầu Ván	Tân Khánh - Phú Bình
15	Hồ Hải Minh	Tân Kim - Phú Bình
16	Hồ La Đuốc	Tân Kim - Phú Bình
17	Hồ Tò Te	Tân Kim - Phú Bình
18	Hồ Cột Cờ	Tân Kim - Phú Bình
19	Hồ Hố Cùng	Tân Kim - Phú Bình

<b>TT</b>	<b>Tên công trình</b>	<b>Vị trí</b>
20	Hồ Góc Mảnh	Tân Kim - Phú Bình
21	Hồ Xóm Trại	Tân Kim - Phú Bình
22	Hồ Góc Gáo	Tân Kim - Phú Bình
23	Hồ Xuân Lai	Tân Kim - Phú Bình
24	Hồ Cột Mốc	Bàn Đạt - Phú Bình
25	Hồ Cỏ Áo	Bàn Đạt - Phú Bình
26	Hồ Hồ Riệu	Bàn Đạt - Phú Bình
27	Hồ Đồng Trại	Tân Khánh - Phú Bình
28	Hồ Mênh Mang	Tân Khánh - Phú Bình
29	Hồ Kim Bảng	Tân Khánh - Phú Bình
30	Hồ Trắng Tà	Tân Khánh - Phú Bình
31	Hồ Thầu Dâu	Tân Khánh - Phú Bình
32	Hồ Ao Cá	Tân Khánh - Phú Bình
33	Hồ Na Ri	Tân Khánh - Phú Bình
34	Hồ Ao Dâng	Tân Khánh - Phú Bình
35	Hồ Cầu Cong	Tân Khánh - Phú Bình
36	Hồ Rừng Vâu	Tân Khánh - Phú Bình
37	Hồ Đồng Ngải	Tân Khánh - Phú Bình
38	Hồ Hồ Cùg	Tân Thành - Phú Bình
39	Hồ Cầu Tre	Tân Thành - Phú Bình
40	Hồ Viên	Tân Đức - Phú Bình
41	Hồ Ngò	Tân Đức - Phú Bình
<b>VI</b>	<b>Huyện Đồng Hỷ</b>	<b>16</b>
1	Hồ Đầm Đang	Hóa Thượng - Đồng Hỷ
2	Hồ Dọc Dọ	Hóa Thượng - Đồng Hỷ
3	Hồ Làng Nậm	Hóa Trung - Đồng Hỷ
4	Hồ La Vương	Hóa Trung - Đồng Hỷ

<b>TT</b>	<b>Tên công trình</b>	<b>Vị trí</b>
5	Hồ La Đành	Hóa Trung - Đồng Hỷ
6	Hồ Dọc Cài	Hóa Trung - Đồng Hỷ
7	Hồ Hang Cô	Hóa Trung - Đồng Hỷ
8	Hồ Chí Sơn	Nam Hòa - Đồng Hỷ
9	Hồ Bảo Nang	Tân Lợi - Đồng Hỷ
10	Hồ Góc Đình	Tân Lợi - Đồng Hỷ
11	Hồ Đá Đỏ	Hợp Tiến - Đồng Hỷ
12	Hồ Bà Cỏn	Minh Lập - Đồng Hỷ
13	Hồ Góc Đa	Minh Lập - Đồng Hỷ
14	Hồ Đồng Vung	Hòa Bình - Đồng Hỷ
15	Hồ Đồng Đình	Quang Sơn - Đồng Hỷ
16	Hồ Đồng Mẫu	Tân Long - Đồng Hỷ
<b>VII</b>	<b>Huyện Đại Từ</b>	<b>28</b>
1	Hồ An Bình	An Khánh - Đại Từ
2	Hồ Dộc Bị	An Khánh - Đại Từ
3	Hồ Đầm Trinh	Bản Ngoại - Đại Từ
4	Hồ Cao Khản	Bản Ngoại - Đại Từ
5	Hồ Đoàn Kết	Hoàng Nông - Đại Từ
6	Hồ Chăn Nuôi	Hoàng Nông - Đại Từ
7	Hồ Đội 4	Minh Tiến - Đại Từ
8	Hồ Đồng Phiêng	Mỹ Yên - Đại Từ
9	Đầm Hà Thuận	Mỹ Yên - Đại Từ
10	Đầm Cuồng	Phú Lạc - Đại Từ
11	Hồ Đầm Vầu	Phú Lạc - Đại Từ
12	Hồ Tân Quy	Phú Thịnh - Đại Từ
13	Đầm Cây Khế	Phú Thịnh - Đại Từ
14	Đầm Thần	Phú Thịnh - Đại Từ

<b>TT</b>	<b>Tên công trình</b>	<b>Vị trí</b>
15	Hồ Đầm Huế	Phúc Lương - Đại Từ
16	Hồ Cây Xoan	Phúc Lương - Đại Từ
17	Hồ Thổ Hồng	Tân Thái - Đại Từ
18	Hồ Đầm Chòi	Tiên Hội - Đại Từ
19	Hồ Việt Hoa	Tiên Hội - Đại Từ
20	Hồ Hồng Gấm	Tiên Hội - Đại Từ
21	Hồ Đoàn Kết	Tiên Hội - Đại Từ
22	Hồ Khánh Hòa	Tiên Hội - Đại Từ
23	Hồ Đầm Sen	Tiên Hội - Đại Từ
24	Đầm Du Kích	Tiên Hội - Đại Từ
25	Hồ Tắm Ngựa	Văn yên - Đại Từ
26	Hồ Na Mẩn	Phú Cường - Đại Từ
27	Hồ Xóm Đèo	Phú Cường - Đại Từ
28	Hồ Mai Cong	Phú Cường - Đại Từ
<b>VIII</b>	<b>Huyện Định Hóa</b>	<b>35</b>
1	Hồ Thâm Búng	Linh Thông - Định Hóa
2	Hồ Thâm Khán	Tân Dương - Định Hóa
3	Hồ Cắm Húc	Phú Tiến - Định Hóa
4	Hồ Thâm Tôn	Tân Thịnh - Định Hóa
5	Hồ Nạ Á	Phượng Tiến - Định Hóa
6	Hồ Nà Kéo	Quy Kỳ - Định Hóa
7	Hồ Khe Đa	TT Chợ Chu - Định Hóa
8	Hồ Ao Sen	Kim Phượng - Định Hóa
9	Hồ Nà Đâu	Kim Phượng - Định Hóa
10	Hồ Thâm Kha	Kim Phượng - Định Hóa
11	Hồ Bó Mạ	Kim Phượng - Định Hóa
12	Hồ Thâm Pét	Kim Phượng - Định Hóa

<b>TT</b>	<b>Tên công trình</b>	<b>Vị trí</b>
13	Hồ Ao Mon	Kim Phụng - Định Hóa
14	Hồ Tham Pầu	Kim Phụng - Định Hóa
15	Hồ Nà Khe	Phúc Chu - Định Hóa
16	Hồ Thâm Chập	Lam Vỹ - Định Hóa
17	Hồ Thâm Pùng	Lam Vỹ - Định Hóa
18	Hồ Thâm Ngùn	Lam Vỹ - Định Hóa
19	Hồ Khau Ken	Lam Vỹ - Định Hóa
20	Hồ Thảm Khi	Tân Dương - Định Hóa
21	Hồ Cầu Chú	Tân Dương - Định Hóa
22	Hồ Thâm Nhùng	Tân Dương - Định Hóa
23	Hồ Thảm Nặng	Tân Dương - Định Hóa
24	Hồ Nà Lạng	Tân Dương - Định Hóa
25	Ao cá Bác Hồ	Tân Dương - Định Hóa
26	Hồ Đá Bay (do dân QL)	Bình Yên - Định Hóa
27	Hồ Thảm Páng	Sơn Phú - Định Hóa
28	Hồ Bản Hin	Sơn Phú - Định Hóa
29	Hồ Phú Hội	Sơn Phú - Định Hóa
30	Hồ Bản Chang	Sơn Phú - Định Hóa
31	Hồ Hòa Bình	Trung Lương - Định Hóa
32	Hồ Thảm Lạ	Trung Lương - Định Hóa
33	Hồ Hoàng Tiến	Trung Lương - Định Hóa
34	Hồ Thảm Phả	Phượng Tiến - Định Hóa
35	Hồ Bản Chia	Trung Hội - Định Hóa
<b>IX</b>	<b>Huyện Phú Lương</b>	<b>116</b>
1	Đầm Bà Năm	TT Đu - Phú Lương
2	Đầm Bà Hiền	TT Đu - Phú Lương
3	Đầm Góc Cọ	TT Đu - Phú Lương

<b>TT</b>	<b>Tên công trình</b>	<b>Vị trí</b>
4	Đầm Bò Đái	TT Đu - Phú Lương
5	Ao Ấu	TT Đu - Phú Lương
6	Hồ HTX	TT Giang Tiên - Phú Lương
7	Hồ Cúc Lùng	Phú Đô - Phú Lương
8	Đầm Núi Phật	Phú Đô - Phú Lương
9	Hồ Thâm Họ	Hợp Thành - Phú Lương
10	Hồ Thâm Sảm	Hợp Thành - Phú Lương
11	Hồ Rộc Ván	Hợp Thành - Phú Lương
12	Hồ Bãi Ổi	Hợp Thành - Phú Lương
13	Hồ Đầm Dúm	Hợp Thành - Phú Lương
14	Hồ Đầm Đầu	Hợp Thành - Phú Lương
15	Hồ Khuổi Rịa	Phủ Lý - Phú Lương
16	Hồ Na Biểu	Phủ Lý - Phú Lương
17	Ao Làng	Phủ Lý - Phú Lương
18	Hồ Ao Mon	Tức Tranh - Phú Lương
19	Đầm Bãi Sậy	Tức Tranh - Phú Lương
20	Đầm Chuông Trâu	Tức Tranh - Phú Lương
21	Đầm Đèo	Tức Tranh - Phú Lương
22	Đầm Chân Chim	Tức Tranh - Phú Lương
23	Đầm Cả Thế	Tức Tranh - Phú Lương
24	Đầm Nhà Cũ	Tức Tranh - Phú Lương
25	Đầm Góc Đa	Tức Tranh - Phú Lương
26	Đầm Ao Xanh	Tức Tranh - Phú Lương
27	Đầm Nãnh	Tức Tranh - Phú Lương
28	Đầm Phóc	Tức Tranh - Phú Lương
29	Đầm Đồng Đền	Tức Tranh - Phú Lương
30	Đầm Ao Mệnh	Tức Tranh - Phú Lương

<b>TT</b>	<b>Tên công trình</b>	<b>Vị trí</b>
31	Đầm Cây Trám	Tức Tranh - Phú Lương
32	Đầm Ông Thăng	Tức Tranh - Phú Lương
33	Đầm Xã Hòn	Tức Tranh - Phú Lương
34	Đầm Trọ Rời	Tức Tranh - Phú Lương
35	Đầm Hợp Nhất	Tức Tranh - Phú Lương
36	Đầm Ông Cảnh	Tức Tranh - Phú Lương
37	Đầm Góc Ồi	Tức Tranh - Phú Lương
38	Đầm Ông Năng	Tức Tranh - Phú Lương
39	Đầm Ông Dìn	Tức Tranh - Phú Lương
40	Đầm Đan Khê	Tức Tranh - Phú Lương
41	Ao Thảm Keo	Ôn Lương - Phú Lương
42	Ao cá Bác Hồ	Ôn Lương - Phú Lương
43	Ao Thảm Bán	Ôn Lương - Phú Lương
44	Ao Na Tùn 1	Ôn Lương - Phú Lương
45	Ao Na Tùn 2	Ôn Lương - Phú Lương
46	Hồ Thảm Luông	Yên Trạch - Phú Lương
47	Hồ Thảm Bón	Yên Trạch - Phú Lương
48	Hồ Thảm Xóm	Yên Trạch - Phú Lương
49	Hồ Thảm Ném	Yên Trạch - Phú Lương
50	Hồ Cỏ Tảng	Yên Trạch - Phú Lương
51	Hồ Thảm Chặt	Yên Trạch - Phú Lương
52	Hồ Thảm Puộc	Yên Trạch - Phú Lương
53	Hồ Thâm Căng	Yên Trạch - Phú Lương
54	Hồ Tam Quang	Yên Trạch - Phú Lương
55	Hồ Cỏ Pai	Yên Trạch - Phú Lương
56	Hồ Cỏ Pén	Yên Trạch - Phú Lương
57	Ao Nạ Cái	Yên Trạch - Phú Lương

<b>TT</b>	<b>Tên công trình</b>	<b>Vị trí</b>
58	Ao Nặm Bo	Yên Trạch - Phú Lương
59	Đập 32	Yên Trạch - Phú Lương
60	Ao Cỏ Hồng	Yên Trạch - Phú Lương
61	Đập Na Pháng	Yên Trạch - Phú Lương
62	Hồ Khuổi Trạng	Yên Trạch - Phú Lương
63	Đập Na Tòng	Yên Trạch - Phú Lương
64	Ao cá Bác Hồ	Phấn Mễ - Phú Lương
65	Đầm Thiểu Nhi	Phấn Mễ - Phú Lương
66	Hồ Góc Trám	Phấn Mễ - Phú Lương
67	Hồ Hoa 2	Phấn Mễ - Phú Lương
68	Hồ Cầu Móc	Phấn Mễ - Phú Lương
69	Hồ Hải Hoa	Phấn Mễ - Phú Lương
70	Đầm ông Xã	Phấn Mễ - Phú Lương
71	Đầm Ao trúc	Phấn Mễ - Phú Lương
72	Đầm Cọ 1	Phấn Mễ - Phú Lương
73	Đầm ông Trang	Phấn Mễ - Phú Lương
74	Đầm Độc Kẹm	Phấn Mễ - Phú Lương
75	Đầm Góc Khế	Phấn Mễ - Phú Lương
76	Đầm Bình Giã	Phấn Mễ - Phú Lương
77	Ao Cả	Yên Lạc - Phú Lương
78	Đập Chim Tắm	Yên Lạc - Phú Lương
79	Đập Đồng Giăng	Yên Lạc - Phú Lương
80	Đập Đồng Đào	Yên Lạc - Phú Lương
81	Đập Khe Lin	Yên Lạc - Phú Lương
82	Ao Bãi Sậy	Yên Lạc - Phú Lương
83	Ao Dân Quân	Yên Lạc - Phú Lương
84	Ao Tiên Thông	Yên Lạc - Phú Lương

<b>TT</b>	<b>Tên công trình</b>	<b>Vị trí</b>
85	Hồ Đầm Mát	Yên Ninh - Phú Lương
86	Hồ Pác Nho	Yên Ninh - Phú Lương
87	Hồ Cỏ Trào	Yên Ninh - Phú Lương
88	Hồ cỏ Tý	Yên Ninh - Phú Lương
89	Hồ Bình Dương	Yên Ninh - Phú Lương
90	Ao Ông Kim	Yên Ninh - Phú Lương
91	Ao Thảm Lìu	Yên Ninh - Phú Lương
92	Hồ Ba Họ	Yên Ninh - Phú Lương
93	Đầm Ba Chương	Vô Tranh - Phú Lương
94	Đầm xóm Trung Thành 3	Vô Tranh - Phú Lương
95	Đầm Góc Lọng	Vô Tranh - Phú Lương
96	Đầm xóm 1/5	Vô Tranh - Phú Lương
97	Đầm Giang Tiên	Vô Tranh - Phú Lương
98	Đầm Góc Bứa	Vô Tranh - Phú Lương
99	Hồ Góc Mít	Cổ Lũng - Phú Lương
100	Đầm Lò Vôi	Cổ Lũng - Phú Lương
101	Đầm Bá Sơn	Cổ Lũng - Phú Lương
102	Đầm Giếng Cái	Cổ Lũng - Phú Lương
103	Ao Cây Thị	Cổ Lũng - Phú Lương
104	Ao Làng Ngói	Cổ Lũng - Phú Lương
105	Hồ Làng Lê	Động Đạt - Phú Lương
106	Đầm Cây Châm	Động Đạt - Phú Lương
107	Hồ Ao Vả	Yên Đổ - Phú Lương
108	Hồ Lũng Mít	Yên Đổ - Phú Lương
109	Hồ Lũng Nén	Yên Đổ - Phú Lương
110	Hồ Ao Bình	Yên Đổ - Phú Lương
111	Hồ 31	Yên Đổ - Phú Lương

<b>TT</b>	<b>Tên công trình</b>	<b>Vị trí</b>
112	Hồ Khán Nha	Yên Đổ - Phú Lương
113	Hồ Lũng Mon	Yên Đổ - Phú Lương
114	Hồ Khe Ngang	Yên Đổ - Phú Lương
115	Hồ Ao Giàng	Yên Đổ - Phú Lương
116	Hồ Ao Bún	Yên Đổ - Phú Lương
<b>Tổng</b>		<b>289</b>

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1820/QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày 02 tháng 8 năm 2023

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực  
Hoạt động khoa học và công nghệ thuộc phạm vi chức năng quản lý  
của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Thái Nguyên**

### **CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ về việc hướng dẫn thi hành Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Quyết định số 1595/QĐ-BKHCHN ngày 25/07/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 46/TTr-KHCN ngày 27/7/2023.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực Hoạt động khoa học và công nghệ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Thái Nguyên *(có Phụ lục chi tiết kèm theo)*.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Quyết định này bãi bỏ 01 thủ tục hành chính lĩnh vực Hoạt động khoa học và công nghệ *(số thứ tự 28)* được công bố tại Quyết định số 2309/QĐ-UBND ngày 02/7/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Thái Nguyên về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2021 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Thái Nguyên.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Quang Tiến**

**PHỤ LỤC**  
**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ LĨNH VỰC**  
**HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THUỘC PHẠM VI**  
**CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**  
**TỈNH THÁI NGUYÊN**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1820/QĐ-UBND  
ngày 02 tháng 8 năm 2023 của UBND tỉnh Thái Nguyên)*

STT	Tên thủ tục hành chính	Tên văn bản Quy phạm pháp luật quy định việc bãi bỏ TTHC
<b>I</b>	<b>LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ</b>	
1	Xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước	Thông tư số 06/2023/TT-BKHHCN ngày 25/5/2023 quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1888/QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày 10 tháng 8 năm 2023

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc bãi bỏ quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính  
lĩnh vực Hoạt động khoa học và công nghệ thuộc phạm vi chức năng  
quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Thái Nguyên**

### **CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ về việc hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Quyết định số 1820/QĐ-UBND ngày 02/8/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Thái Nguyên về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực Hoạt động khoa học và công nghệ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Thái Nguyên;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 50/TTr-KHCN ngày 04/8/2023.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Bãi bỏ 01 quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính (số thứ tự 28) lĩnh vực Hoạt động khoa học và công nghệ được ban hành tại Quyết định số 3010/QĐ-UBND ngày 24/9/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Thái Nguyên phê duyệt

quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Thái Nguyên (*chi tiết tại Phụ lục kèm theo*).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Quang Tiến**

**PHỤ LỤC**  
**QUY TRÌNH NỘI BỘ TRONG GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**  
**LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ BỊ BỎ**  
**THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ KHOA HỌC VÀ**  
**CÔNG NGHỆ TỈNH THÁI NGUYÊN**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1888/QĐ-UBND  
ngày 10 tháng 8 năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Thái Nguyên)*

STT	Tên quy trình nội bộ	Ghi chú
1	Xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước	Quy trình nội bộ số 28, lĩnh vực Hoạt động khoa học và công nghệ được ban hành tại Quyết định số 3010/QĐ-UBND ngày 24/9/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Thái Nguyên phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Thái Nguyên.

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1889/QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày 10 tháng 8 năm 2023

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực du lịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Thái Nguyên**

### **CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ về việc hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Quyết định số 1975/QĐ-BVHTTDL ngày 21/7/2023 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực du lịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Tờ trình số 2366/TTr-SVHTTDL ngày 31 /7/2023.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này danh mục TTHC lĩnh vực du lịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Thái Nguyên (*có Phụ lục I kèm theo*).

Bãi bỏ 08 thủ tục hành chính lĩnh vực du lịch (*số thứ tự 2,3,4,9,16,17,18,19 mục 3.1 phần III*) được ban hành tại Quyết định số 260/QĐ-UBND ngày 23/02/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Thái Nguyên về việc công bố danh mục thủ tục hành chính năm 2023 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Thái Nguyên (*có Phụ lục II kèm theo*).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2023.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Quang Tiến**

**PHỤ LỤC I**  
**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC DU LỊCH THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG**  
**QUẢN LÝ CỦA SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH TỈNH THÁI NGUYÊN**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1889/QĐ-UBND*  
*ngày 10 tháng 8 năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Thái Nguyên)*

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
1	Thủ tục cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa	10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên  Địa chỉ: Số 17, đường Đội Cấn, phường Trưng Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	<i>Phí, lệ phí: 1.500.000 đồng/giấy phép (Thông tư số 44/2023/TT-BTC ngày 29 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ người dân và doanh nghiệp. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2023 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2023).</i>	- Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2018.  - Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2018.  - Nghị định số 94/2021/NĐ-CP ngày 28	Một cửa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTTC
					<p>tháng 10 năm 2021 sửa đổi, bổ sung Điều 14 của Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch về mức ký quỹ kinh doanh dịch vụ lữ hành. Có hiệu lực từ ngày 28 tháng 10 năm 2021 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2023.</p> <p>- Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 01</p>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					<p>tháng 02 năm 2018.</p> <p>- Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 20 tháng 01 năm 2020.</p> <p>- Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu,</p>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTTC
					<p>nộp và quản lý phí thẩm định cấp Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế, Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa; phí thẩm định cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch; lệ phí cấp Giấy phép thành lập văn phòng đại diện Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài.</p> <p>- Thông tư số 44/2023/TT-BTC ngày 29 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ người dân và doanh nghiệp. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm</p>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					2023 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2023.	
2	Thủ tục cấp lại giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn đề nghị.	<b>Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC:</b> Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên <i>Địa chỉ:</i> Số 17, đường Đội Cấn, phường Trưng Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	<i>Phí, lệ phí: 750.000 đồng/giấy phép (Thông tư số 44/2023/TT-BTC ngày 29 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ người dân và doanh nghiệp. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2023 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2023).</i>	- Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2018. - Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2018. - Nghị định số 94/2021/NĐ-CP ngày 28 tháng 10 năm 2021 sửa	Một cửa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					<p>đôi, bổ sung Điều 14 của Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch về mức ký quỹ kinh doanh dịch vụ lữ hành. Có hiệu lực từ ngày 28 tháng 10 năm 2021 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2023.</p> <p>- Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 02 năm 2018.</p>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					<p>- Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 20 tháng 1 năm 2020.</p> <p>- Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý phí thăm</p>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTTC
					<p>định cấp Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế, Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa; phí thẩm định cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch; lệ phí cấp Giấy phép thành lập văn phòng đại diện Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài.</p> <p>- Thông tư số 44/2023/TT-BTC ngày 29 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ người dân và doanh nghiệp. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2023 đến hết ngày 31</p>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					tháng 12 năm 2023.	
3	Thủ tục cấp đổi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	<p><b>Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC:</b></p> <p>Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên</p> <p><i>Địa chỉ:</i> Số 17, đường Đội Cấn, phường Trưng Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên</p>	<p><i>Phí, lệ phí: 1.000.000 đồng/giấy phép (Thông tư số 44/2023/TT-BTC ngày 29 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ người dân và doanh nghiệp. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2023 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2023).</i></p>	<p>tháng 12 năm 2023.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2018.</li> <li>- Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2018.</li> <li>- Nghị định số 94/2021/NĐ-CP ngày 28 tháng 10 năm 2021 sửa đổi, bổ sung Điều 14 của Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31</li> </ul>	Một cửa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					<p>tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch về mức ký quỹ kinh doanh dịch vụ lữ hành. Có hiệu lực từ ngày 28 tháng 10 năm 2021 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2023.</p> <p>- Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 02 năm 2018.</p> <p>- Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25 tháng 11 năm</p>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					<p>2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 20 tháng 1 năm 2020.</p> <p>- Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý phí thẩm định cấp Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế, Giấy phép kinh</p>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					<p>doanh dịch vụ lữ hành nội địa; phí thẩm định cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch; lệ phí cấp Giấy phép thành lập văn phòng đại diện Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài.</p> <p>- Thông tư số 44/2023/TT-BTC ngày 29 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ người dân và doanh nghiệp. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2023 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2023*.</p>	
4	Thủ tục cấp thẻ	10 ngày kể từ	<b>Nơi tiếp nhận hồ</b>	<i>Phí, lệ phí: 100.000</i>	- Luật Du lịch số	Một cửa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
	hướng dẫn viên du lịch tại điểm	ngày có kết quả kiểm tra.	<p><b>sơ và trả kết quả giải quyết TTHC:</b></p> <p>Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên</p> <p>Địa chỉ: Số 17, đường Đội Cấn, phường Trưng Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên</p>	<p>đồng/thẻ (Thông tư số 44/2023/TT-BTC ngày 29 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ người dân và doanh nghiệp. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2023 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2023).</p>	<p>09/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2018.</p> <p>- Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 02 năm 2018.</p> <p>- Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL</p>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTTC
					<p>ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 20 tháng 01 năm 2020.</p> <p>- Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý phí thẩm định cấp Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế, Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa; phí thẩm định cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch; lệ phí cấp Giấy phép thành lập văn phòng đại diện</p>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lý hành nước ngoài. - Thông tư số 44/2023/TT-BTC ngày 29 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ người dân và doanh nghiệp. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2023 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2023.	
5	Thủ tục cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế	15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	<b>Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC:</b> Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên	<i>Phí, lệ phí: 325.000 đồng/thẻ (Thông tư số 44/2023/TT-BTC ngày 29 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu</i>	- Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2018. - Thông tư số	Một cửa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTTC
			Địa chỉ: Số 17, đường Đội Cấn, phường Trưng Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ người dân và doanh nghiệp. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2023 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2023).	06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 02 năm 2018.  - Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch.	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					<p>Có hiệu lực từ ngày 20 tháng 1 năm 2020.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý phí thẩm định cấp Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế, Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa; phí thẩm định cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch; lệ phí cấp Giấy phép thành lập văn phòng đại diện Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài.</li> <li>- Thông tư số 44/2023/TT-BTC ngày 29</li> </ul>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ người dân và doanh nghiệp. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2023 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2023.	
6	Thủ tục cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa	15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	<p><b>Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC:</b></p> <p>Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên</p> <p>Địa chỉ: Số 17, đường Đội Cấn, phường Trưng Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh</p>	<p><i>Phí, lệ phí: 325.000 đồng/thẻ (Thông tư số 44/2023/TT-BTC ngày 29 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ người dân và doanh nghiệp. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2023 đến hết ngày 31 tháng 12</i></p>	<p>- Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2018.</p> <p>- Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một</p>	Một cửa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
			Thái Nguyên	năm 2023).	<p>số điều của Luật Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 02 năm 2018.</p> <p>- Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 20 tháng 01 năm 2020.</p> <p>- Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ</p>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTTC
					<p>trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý phí thẩm định cấp Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế, Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa; phí thẩm định cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch; lệ phí cấp Giấy phép thành lập văn phòng đại diện Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài</p> <p>- Thông tư số 44/2023/TT-BTC ngày 29 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ người dân và doanh</p>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					<p>nghiệp. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2023 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2023.</p>	
7	Thủ tục cấp đổi thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế, thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa	10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	<p><b>Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC:</b></p> <p>Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên</p> <p>Địa chỉ: Số 17, đường Đội Cấn, phường Trưng Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên</p>	<p><i>Phí, lệ phí: 325.000 đồng/thẻ (Thông tư số 44/2023/TT-BTC ngày 29 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ người dân và doanh nghiệp. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2023 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2023).</i></p>	<p>- Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2018.</p> <p>- Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 02 năm 2018.</p> <p>- Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30</p>	Một cửa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTTC
					<p>tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý phí thẩm định cấp Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế, Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa; phí thẩm định cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch; lệ phí cấp Giấy phép đặt chi nhánh, văn phòng đại diện doanh nghiệp du lịch nước ngoài tại Việt Nam. Có hiệu lực từ ngày 14 tháng 5 năm 2018.</p> <p>- Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du</p>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					<p>lich sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 20 tháng 01 năm 2020.</p> <p>- Thông tư số 44/2023/TT-BTC ngày 29 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ người dân và doanh nghiệp. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2023 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2023.</p>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
8	Thủ tục cấp lại thẻ hướng dẫn viên du lịch	10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	<p><b>Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC:</b></p> <p>Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên</p> <p><i>Địa chỉ:</i> Số 17, đường Đội Cấn, phường Trưng Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên</p>	<p><i>Phí, lệ phí:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 325.000 đồng/thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế hoặc thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa (Thông tư số 44/2023/TT-BTC ngày 29 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ người dân và doanh nghiệp. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2023 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2023).</li> <li>- 100.000 đồng/thẻ hướng dẫn viên du lịch tại điểm (Thông tư số 44/2023/TT-BTC ngày</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2018.</li> <li>- Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 02 năm 2018.</li> <li>- Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý phí thăm định cấp Giấy phép kinh</li> </ul>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTTC
				<p>29 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ người dân và doanh nghiệp. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2023 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2023).</p>	<p>doanh dịch vụ lữ hành quốc tế, Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa; phí thẩm định cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch; lệ phí cấp Giấy phép đặt chi nhánh, văn phòng đại diện doanh nghiệp du lịch nước ngoài tại Việt Nam. Có hiệu lực từ ngày 14 tháng 5 năm 2018.</p> <p>- Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ</p>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					<p>Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 20 tháng 01 năm 2020.</p> <p>- Thông tư số 44/2023/TT-BTC ngày 29 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ người dân và doanh nghiệp. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2023 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2023.</p>	

**PHỤ LỤC II**  
**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1889/QĐ-UBND  
ngày 10 tháng 8 năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Thái Nguyên)*

STT	Tên thủ tục hành chính	Tên VPQPPL quy định việc sửa đổi, bổ sung/bị bãi bỏ
1	Thủ tục cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa	Thông tư số 44/2023/TT-BTC ngày 29 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ người dân và doanh nghiệp. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2023 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2023
2	Thủ tục cấp lại giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa	Thông tư số 44/2023/TT-BTC ngày 29 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ người dân và doanh nghiệp. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2023 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2023
3	Thủ tục cấp đổi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa	Thông tư số 44/2023/TT-BTC ngày 29 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ người dân và doanh nghiệp. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2023 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2023
4	Thủ tục cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch tại điểm	Thông tư số 44/2023/TT-BTC ngày 29 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ người dân và doanh nghiệp. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2023 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2023

STT	Tên thủ tục hành chính	Tên VPQPPL quy định việc sửa đổi, bổ sung/bị bãi bỏ
5	Thủ tục cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế	Thông tư số 44/2023/TT-BTC ngày 29 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ người dân và doanh nghiệp. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2023 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2023
6	Thủ tục cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa	Thông tư số 44/2023/TT-BTC ngày 29 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ người dân và doanh nghiệp. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2023 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2023
7	Thủ tục cấp đổi thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế, thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa	Thông tư số 44/2023/TT-BTC ngày 29 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ người dân và doanh nghiệp. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2023 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2023
8	Thủ tục cấp lại thẻ hướng dẫn viên du lịch	Thông tư số 44/2023/TT-BTC ngày 29 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ người dân và doanh nghiệp. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2023 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2023

**CÔNG BÁO** tỉnh Thái Nguyên là ấn phẩm chính thức của tỉnh Thái Nguyên dùng để công bố tất cả các văn bản quy phạm pháp luật và văn bản có giá trị pháp lý khác do Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, huyện ban hành. Thông tư số 01/2017/TT-VPCP của Văn phòng Chính phủ: Hướng dẫn thực hiện quy định về Công báo tại Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Công báo tỉnh Thái Nguyên gồm có các số thường kỳ và Mục lục Công báo cuối năm; Công báo được phát hành trên phạm vi toàn tỉnh do Trung tâm Thông tin tỉnh Thái Nguyên biên tập và thực hiện xuất bản.

Công báo điện tử tỉnh Thái Nguyên được thiết kế trên khổ giấy có kích thước 29 cm chiều dài x 20,5 cm chiều rộng. Trang bìa có in hình Quốc huy, Quốc hiệu của Nước Cộng hòa XHCN Việt Nam và chữ **CÔNG BÁO** màu đỏ; Công báo điện tử được phát hành tại địa chỉ Website: <http://congbaothainguyen.gov.vn>.

---

## **VĂN PHÒNG UBND TỈNH THÁI NGUYÊN XUẤT BẢN**

Địa chỉ: 16A, đường Nha Trang - TP. Thái Nguyên

Điện thoại: (0208).3 751 789

Fax: (0208).3 851 149

Email: [portal@thainguyen.gov.vn](mailto:portal@thainguyen.gov.vn)

Website: <http://congbaothainguyen.gov.vn>